

Học kỳ 2 năm học 2023-2024

Trọng số điểm chuyên cần: 0.2
Trọng số điểm giữa kỳ: 0.2
Trọng số điểm cuối kỳ: 0.6

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm CC	Điểm GK	Điểm CK	Tổng điểm
1	22001678	Lê Thành Đạt	29/06/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	10.0	10.0	10.0
2	22001219	Nguyễn Đức Đạt	05/12/2003	67 Tài nguyên và môi trường nước	7.0	8.0	2.0	4.2
3	22000743	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/01/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	10.0	6.0	7.6
4	22001221	Hoàng Chí Hiếu	26/04/2004	67 Tài nguyên và môi trường nước	0.0	0.0	0.0	0.0
5	22000747	Nguyễn Văn Hoàng	15/06/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	4.0	7.0	7.0
6	22000749	Vương Duy Hùng	28/10/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	10.0	10.0	10.0
7	22001222	Trịnh Thị Minh Huyền	22/12/2004	67 Tài nguyên và môi trường nước	10.0	9.5	2.0	5.1
8	21002100	Phạm Quốc Khánh	02/09/2003	66 Tài nguyên và môi trường nước	0.0	0.0	0.0	0.0
9	22000750	Giang Khánh Linh	24/07/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	3.0	3.0	4.4
10	22000753	Tạ Khánh Linh	17/08/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	5.5	6.0	6.7
11	22001224	Phùng Đăng Luận	13/07/2004	67 Tài nguyên và môi trường nước	10.0	10.0	4.0	6.4
12	22001675	Nguyễn Văn Nguyên	28/05/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	10.0	10.0	10.0
13	22000758	Tạ Đăng Quang	28/02/2004	67 CLC Khí tượng và khí hậu học	10.0	9.5	8.0	8.7
14	23001967	Nguyễn Minh Quân	06/09/2005	68 Khí tượng và khí hậu học	10.0	10.0	10.0	10.0
15	22000760	Giáp Thị Hương Quỳnh	11/11/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	4.0	2.5	4.3
16	22001226	Trần Hữu Thạch	30/08/2004	67 Tài nguyên và môi trường nước	10.0	9.5	4.0	6.3
17	22001676	Hoàng Xuân Thành	13/01/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	10.0	10.0	10.0
18	23001971	Nguyễn Thanh Trọng	29/05/2005	68 Khí tượng và khí hậu học	10.0	9.5	10.0	9.9
19	22001677	Ninh Đức Trung	24/07/2004	67 Khí tượng và khí hậu học	10.0	9.0	7.0	8.0

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PGS.TS Phạm Tiến Đức